TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **301/**2019/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 10 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 57 của Luật Hôn nhân Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 205/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Ông Lê T, sinh năm 1960;
Địa chỉ: 105 Lô B, Chung cư S, phường S, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người yêu cầu:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1968;
Địa chỉ: 105 Lô B, Chung cư S, phường S, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Ông Lê T và bà Lê Thị H tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1985, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17, ngày 20/10/1985 UBND thị trấn D, huyện C, tỉnh T cấp.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng rất hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hòa hợp, bất đồng ý kiến, thường xuyên gây gỗ, cải vã với nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nay hai bên nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, đời sống chung không thể tiếp tục nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là Lê Diệu H, sinh ngày 24/01/1989 và Lê Quốc K, sinh ngày 25/4/2001. Các con chung đều đã trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Ông T và bà H yêu cầu tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Ông T và bà H xác định không có.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê T và bà Lê Thị H thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông Lê T và bà Lê Thị H chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 2, ngày 20/10/1985 do UBND thị trấn D, huyện C, tỉnh T cấp cho ông T và bà H không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 con chung là Lê Diệu H, sinh ngày 24/01/1989 và Lê Quốc K, sinh ngày 25/4/2001. Các con chung đều đã trưởng thành nên Tòa án không đề cập.

- Về tài sản chung: Ông T và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông T và bà H xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do ông Lê T và bà Lê Thị H phải nộp là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng 300.000 đồng ông T và bà H đã nộp theo Biên lai thu số 0012636 ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND quận C;
- Chi cục THADS quận C;
- UBND xã D, huyện C, tỉnh T;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thùy Trang